TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐOAN HÙNG** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 11/9/2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Thường
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Thu
Ông Nguyễn Văn Bình
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Minh Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2017/TLST-HNGĐ ngày 03/7/2017 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28/8/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phùng Ngọc T – sinh năm 1987
Nơi công tác: Phòng T, Lữ đoàn B – Quân khu Z
Cư trú tại: Thôn 04, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ
- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Xuân L – sinh năm 1988
Nơi công tác: Trường trung học cơ sở xã M, huyện Đ.
Cư trú tại: Thôn 1B, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ
Anh T và chị L đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Phùng Ngọc T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Xuân L kết hôn năm 2012 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã C, huyện H, tỉnh Phú Thọ (nơi cư trú của anh trước đây). Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh và chị L thường xuyên xảy ra xích mích, không hòa thuận với nhau. Từ tháng 12/2015 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm, không có trách nhiệm với nhau. Đến nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã rất căng thẳng trầm trọng không thể đoàn tụ được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L.

Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình xét xử tại Tòa án, bị đơn là chị Nguyễn Thị Xuân L xác nhận về thời gian kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh T chơi bời cơ bạc, nợ nần và đánh đập chị. Tuy vợ chồng đã mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 12/2015 (âm lịch) đến nay không ai quan tâm đến ai, nhưng vì con còn nhỏ nên chị không nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Anh T và chị L xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hồng Minh Q, sinh ngày 14/6/2016 (lấy họ chị L), hiện đang ở với chị L. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: Trong quá trình giải quyết chị L yêu cầu anh T phải chia các tài sản mà anh T đã đem đi gồm: 01 chiếc giường đôi, 01 bộ chăn ga gối đệm, 01 tủ đứng 3 buồng bằng gỗ ép và số tiền là 18.500.000đ. Quá trình giải quyết, chị L và anh T đã thỏa thuận, anh T đem trả cho chị L 01 chiếc tủ đứng 3 buồng bằng gỗ ép, còn 01 chiếc giường đôi và 01 bộ chăn ga gối đệm anh T được sở hữu, hai bên không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho nhau. Ngày 08/8/2017 anh T đã đem trả chị L chiếc tủ đứng ba buồng, hai bên đã thỏa thuận xong và không đề nghị Tòa án giải quyết nữa.

Đối với khoản tiền anh T đã đem đi. Anh T và chị L xác nhận vợ chồng có để tiết kiệm được 23.500.000đ. Khi vợ chồng mâu thuẫn anh T đã đem đi 18.500.000đ, để lại cho chị L 5.000.000đ. Chị L yêu cầu anh T phải trả lại số tiền này. Anh T xác định là tài sản chung nên chia đôi mỗi người một nửa.

- Về vay nợ chung: Anh T và chị L đều xác nhận không vay nợ của ai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và xác định:

+ Hoạt động tố tụng dân sự của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng trong việc thụ lý, thu thập chứng cứ, giải quyết và xét xử đối với vụ án là đúng quy định của pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Xuân L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hồng Minh Q, sinh ngày 14/6/2016. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị L.

- Về chia tài sản chung: Đối với các tài sản chung gồm giường, tủ, chăn ga gối đệm, anh T và chị L đã thỏa thuận với nhau không đề nghị giải quyết nên không phải giải quyết. Đối với số tiền 23.500.000đ xác định là tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên đây là tài sản chung của vợ chồng. Sau khi ly hôn chia cho anh T và chị L mỗi người sở hữu một nửa. Số tiền anh T đang quản lý nhiều hơn nên cần buộc anh T phải thanh toán lại cho chị L.

- Về vay nợ chung: Anh T và chị L xác định không vay nợ ai nên không phải giải quyết.

- Về án phí: Anh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí đối với tài sản có giá ngạch tương ứng với phần tài sản được hưởng. Chị L phải chịu án phí đối với tài sản có giá ngạch tương ứng với phần tài sản được hưởng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phùng Ngọc T và chị Nguyễn Thị Xuân L kết hôn năm 2012 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Phú Thọ, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không quan tâm chia sẻ với nhau. Tuy chị L không nhất trí ly hôn vì cho rằng con còn nhỏ, nhưng cũng xác nhận mâu thuẫn vợ chồng cũng đã căng thẳng trầm trọng, không quan tâm đến nhau, không thể đoàn tụ được nữa. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị L đã căng thẳng trầm trọng, mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc bền vững không đạt được. Do vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

[2]. Về con chung: Cháu Nguyễn Hồng Minh Q, sinh ngày 14/6/2016 tính đến ngày xét xử hôm nay mới được hơn một tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình: "*Sau khi ly hôn con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*". Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay anh T và chị L cũng thỏa thuận để chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu, do vậy sau khi ly hôn giao cháu Q cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Việc chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[3]. Về tài sản chung: Đối với các tài sản chung gồm giường, tủ, chăn ga gối đệm, anh T và chị L đã thỏa thuận với nhau và không đề nghị nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Đối với số tiền 23.500.000đ là tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên đây được xác định là tài sản chung của vợ chồng. Sau khi ly hôn về nguyên tắc được chia đôi. Tuy nhiên xét thấy hoàn cảnh gia đình, chị L là phụ nữ, đang nuôi con nhỏ, nên sẽ chia cho chị L phần nhiều hơn. Số tiền anh T đã đem đi là 18.500.000đ, cần buộc anh T phải trả lại cho chị L khoảng 8.000.000đ là phù hợp. Số tiền chị L đang giữ là 5.000.000đ được tính vào tài sản chung trong phần chị L được hưởng.

[4]. Về vay nợ chung: Anh T và chị L đều xác nhận không có nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí đối với tài sản có giá ngạch tương ứng với phần tài sản được hưởng. Chị L phải nộp án phí đối với tài sản có giá ngạch tương ứng với phần tài sản được hưởng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phùng Ngọc T và chị Nguyễn Thị Xuân L.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Xuân L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hồng Minh Q, sinh ngày 14/6/2016. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị L. Anh T có quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về vay nợ chung: Không có

4. Về chia tài sản chung:

- Anh Phùng Ngọc T được sở hữu số tiền là 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng).

- Chị Nguyễn Thị Xuân L được sở hữu số tiền là 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng). Xác nhận chị L đang quản lý 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Anh T phải có trách nhiệm trả cho chị L số tiền là 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Anh Phùng Ngọc T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 525.000đ (Năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí đối với tài sản có giá nghạch. Số tiền anh T phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số: AA/2016/0004190, ngày 03/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Anh T còn phải nộp 525.000đ (Năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Chị Nguyễn Thị Xuân L phải nộp 650.000đ (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng) án phí đối với tài sản có giá ngạch.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh T và chị L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã C, huyện H;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Vũ Thường